PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 437 + 438)

Phụ lục IC. DANH MỤC THUỐC THÚ Y THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

ĐỒNG NAI

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
572	NUTRI C	Vitamin C (vi bọc), Vitamin E	Gói, hộp, bao	150, 250, 500g 1kg; 25kg	Dùng cho tôm, cá: Nâng cao sức đề kháng, giảm stress khi nuôi ở mật độ cao hoặc khi môi trường thay đổi	DN.TS2-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
573	ZYME FISH	Xylanase, b-Glucanase, Phytase	Gói, hộp, bao	100g, 250g, 500g, 1kg, 5kg, 25kg	Nâng cao giá trị sử dụng thức ăn. Tăng khả năng tiêu hóa tinh bột, đạm, béo. Tăng khả năng hấp thụ phospho thực vật trong khẩu phần ăn của cá	DN.TS2-2
574	BACTOMIX	Pediococcus acidilactici, vitamin E, Se (Na_2SeO_3)	Túi, bao PE	100; 250; 500g; 1; 25kg	Nâng cao sức đề kháng	DN.TS2-3
575	BACTOFISH	Pediococcus acidilactici, Saccharomyces cerevisiae boulardii	Túi, bao PE	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng cho cá, giúp tiêu hóa tốt thức ăn	DN.TS2-4
576	QUALIFISH	Vitamin A, D, C, B1, B2, E, Niacin	Túi, bao PE	1, 5, 25kg	Nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn, nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng stress	DN.TS2-5

2. CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
577	Prazifish	Praziquantel cimetidine	Gói, hộp, bao, xô	100g; 1, 5, 25kg	Phòng và điều trị sán lá đơn chủ ký sinh trên mang và da cá - Ngừng sử dụng 5 ngày trước thu hoạch	DN.TS4-1
578	Calciphos	Phospho, Calcium diacid phosphate, Magnesium di-acid phosphate, Sodium diacid phosphate, Iron diacid	Bình	100, 500ml; 1, 5, 10, 100, 500, 1000 lít	Cung cấp Calci, Phospho và các nguyên tố đa vi lượng cho tôm, cá; Kích thích quá trình lột vỏ tôm, giúp vỏ tôm mau cứng	DN.TS4-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		phosphate, Manganse diacid phosphate, Zinc di-acid phosphate, Copper diacid phosphate, Cobalt diacid phosphate				
579	MAXFLOR 10% AQUA	Florfenicol	Gói, hộp, xô, thùng	100g, 1; 5; 25kg	Trị các bệnh gan, thận, lách có mủ (có các đốm trắng) gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS4-3
580	ANTIZOL	Bronopol	Chai, can	1 lít, 5 lít, 20 lít	Phòng và điều trị cá nuôi bị nhiễm nấm thủy mi (Saprolegnia spp), trùng quả dưa (Ichthyophthyrius spp) đặc biệt ở giai đoạn cá hương và cá gống	DN.TS4-4
581	PRO MARINE	*Bacillus subtilis, B.licheniformis, B.pumilus,* Calcium, Vitamin C	Gói, xô	100; 500g, 5; 10; 25kg	Giúp tiêu hóa thức ăn, tăng sức đề kháng	DN.TS4-5
582	COMBAX	Vitamin D3, Vitamin C, Sodium chloride, Dicalcium chloride, Potassium chloride, Ferrous sulfate monohydrate, *Bacillus subtilis, B.licheniformis, B.pumilus*	Gói, xô	100; 500g, 5; 10; 25kg	Hỗ trợ tiêu hóa, giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn	DN.TS4-6
583	Combax L	Bacillus (B.Subtilis, B.licheniformis, B.pumilis)	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 25 lít	Hỗ trợ tiêu hóa cho tôm cá, bổ sung vi khuẩn có ích cho đường ruột tôm cá	DN.TS4-9

3. CÔNG TY TNHH Y.S.P VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
584	Oxytet 60% Soluble Powder	Oxytetracycline HCl	Gói, bao	20; 100; 180g; 1; 5; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	DN.TS5-1
585	Maxiplus soluble Powder	Sodium chloride, Potassium chloride, Magesium Sulfate, Manganese Sulfate, Sodium Citrate, Glucose Anhydrous, Sodium Bicarbonate, Sodium Benzoat	Túi	100g, 1kg	Bổ sung khoáng, kích thích tôm lột vỏ, vỏ nhanh cứng, dày, bóng, đẹp	DN.TS5-2
586	Wellcom Soluble Powder	Sulfadimethoxine Sodium, Trimethoprim	Túi	100, 500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	DN.TS5-3
587	Ipore Solution	Povidone iodine	Chai, can	200, 500ml; 1l, 3.8l, 25l	Sát trùng, diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng nhà xưởng, dụng cụ nuôi trồng thủy sản	DN.TS5-4
588	Lacpan Soluble Powder	Biodiatase, Lactobacillus powder, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Niconamide, Ca Pantothenate, acid folic,	Túi	100g, 1kg	Tăng sức đề kháng, tăng khả năng tiêu hóa và hấp thu thức ăn. Bổ sung khoáng, kích thích tôm lột vỏ, vỏ nhanh cứng, dày, bóng, đẹp	DN.TS5-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Lysin HCl, Ca phosphate dibasic, Lactose Monohydrate				
589	Vitasol Soluble Powder	Vitamin A, D3, E, C Thiamine mononotrate, Riboflavin, Pyridoxine HCl, Nicotimade, Cyanocobalamin, Biotin, Ca pantothenate, acid folic, Na bisulfite, Disodium Edetate	Túi	100, 500g, 1kg	Phòng và giảm stress, tăng cường sức đề kháng	DN.TS5-6
590	Amoxicine-5 Powder	Amoxicillin Trihydrate 50%	Gói	100g	Điều trị bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophilla gây bệnh trên cá Tra	DN.TS5-7
591	Eryton Powder	Erythromycin Thiocyanate 30%	Gói	100g, 500g	Điều trị bệnh gan thận mủ do E.ictaluri gây ra trên cá Tra	DN.TS5-8
592	Oxytet Soluble Powder	Oxytetracyclin HCl	Túi	100g; 1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 04 tuần trước thu hoạch	DN.TS5-9

4. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y THỊNH Á (ASIFAC)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
593	Asifish-OTC 5	Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas,	DN.TS6-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 03 tuần trước thu hoạch	
594	Asifish-Cotrimfort	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas gây ra các bệnh như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết, hoại tử trên cá tra, basa và trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	DN.TS6-2
595	Asifish-Flor 10	Florfenicol	Chai, can	50, 100, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20, 25 lít	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* trên cá da trơn (tra, basa, trê). Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS6-3

5. CÔNG TY TNHH TM - SX VIỆT THỌ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
596	SULFTRIM-F	Sulfadimidin sodium, Trimethoprime	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do *Aeromonas, Pseudomonas* (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	DN.TS7-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
597	FLORFENICOL-F10	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-2
598	OXYTETRA-F20	Oxytetrcycllin	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	DN.TS7-3
599	FLOR-F20	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-4
600	FLOR-F40	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-5
601	SULFATRIM-F	Sulfadimidin sodium, Trimethoprime	Chai, lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do *Aeromonas, Pseudomonas* (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	DN.TS7-6
602	DONA-FLOR-F10	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
603	DONA-FLOR-F20	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-8
604	DONA-FLOR-F40	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	DN.TS7-9

LONG AN

1. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÚ Y - THỦY SẢN LONG AN

NSX: CÔNG TY TNHH TM SX VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
605	AQUA.C-LA	Vitamin C, Sorbitol	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Bổ sung Vitamin C, Sorbitol giúp tăng sức đề kháng, giảm stress cho tôm cá	LA.TS1-1
606	Becomplex C+ADE	Vitamin A, B1, B6, D3, E, C, PP, Methionine	Gói, hộp	50, 100, 250, 500g, 1, 5, 10kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm, cá; Tiêu hóa thức ăn tốt, phát triển nhanh	LA.TS1-2
607	Kenzym.Ade	Amylase, Protease, vitamin A, B_1, D_3, E, tinh bột	Gói, hộp	50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Gia tăng khả năng tiêu hóa các chất dinh dưỡng: tinh bột, đạm, chất béo đạt mức cao nhất, hấp thụ tốt và trọn vẹn; bổ sung đầy đủ vitamin A, D, E, giúp tôm, cá ăn khỏe, tăng trưởng tốt	LA.TS1-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
608	Tmt Fort	Sulfadiazin, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS1-4
609	Florcin-La	Florfenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít, 10 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS1-5
610	Flornicol-La	Florfenicol, Sorbitol	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS1-6
611	Vitamin C	Vitamin C, Citric acid	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng Stress cho tôm, cá	LA.TS1-7
612	Bio lactizim	*Bacillus subtilis*, Alpha amilase, protease	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Bổ sung vi khuẩn có lợi và các enzym tiêu hóa, giúp tiêu hóa thức ăn tốt cho tôm, cá	LA.TS1-8
613	Subtyl-La	Bacillus subtilis	Gói, hộp	50,100, 500g, 1, 5, 10kg	Tăng cường khả năng tiêu hóa; giúp tôm cá ăn nhiều, phát triển tốt	LA.TS1-9
614	Premix. C-LA	Vitamin C, A, E, D3, B1, PP (B5)	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn. Nâng cao sức đề kháng. Tăng khả năng chịu đựng Stress. Thúc đẩy quá trình lột xác và tái tạo vỏ	LA.TS1-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
615	Lave.Clean	Praziquantel, Crude Protein, Fiber	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị ngoại ký sinh trùng: Sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	LA.TS1-11
616	LAVE.NICOL-2000	Florfenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít	Trị các bệnh nhiễm trùng gây chết trên cá da trơn do *Ewardsiellla ictaluri* gây ra trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS1-12
617	LAVE. PHENICOL-2000	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng gây chết do *Edwardsiella ictaluri* gây ra trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS1-13
618	Cotrim-La	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Có khả năng ngăn chặn vi khuẩn gây bệnh ở diện rộng, đặc biệt là vi khuẩn Vibrio. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS1-14
619	Enicol-la	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* trên cá da trơn (Basa, Trê, Tra, Mú). Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS1-15
620	Tetra-Lium.LA	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS1-16

2. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NANO HỢP NHẤT APA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
621	APA Comax	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS2-1
622	APA Pro	Cellulase, Amylase, Protease	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Bổ sung vi sinh vật đường ruột, nâng cao khả năng hấp thụ thức ăn	LA.TS2-3
623	APA Vaxi F	Sorbitol, Methionine, Choline chloride, Betain, Lysin HCl	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Bổ sung các vitamin và acid amin, phòng các bệnh do thiếu vitamin và acid amin	LA.TS2-4
624	APA Calphos	Calcium pantothenate, Phosphorus, Vitamin D3	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Bổ sung các vitamin và khoáng chất, phòng trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất ở cá như giảm ăn, chậm lớn	LA.TS2-5
625	APA Miner Pox	Calcium diacid phosphate, Magnesium diacid phosphate, Zinc diacid phosphate, Manganese diacid phosphate	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Thúc đẩy tôm lột xác, kích thích tôm tăng trưởng	LA.TS2-6
626	APA Ls 600h	Iodine 60%	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Sát trùng dụng cụ, trang thiết bị, bể ương, trứng tôm cá, tôm con	LA.TS2-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
627	APA N 900	Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong nuôi trồng thủy sản	LA.TS2-8
628	APA Blue No.1	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	LA.TS2-9
629	APA Clear 900	CuSO4.5H2O	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các loại tảo trong ao nuôi	LA.TS2-10
630	APA Iron Vip	Ethylenediamine tetraacetic acid	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	LA.TS2-11
631	APA Big One	Vitamin A, D, E, Lysine, Methionine, Sorbitol, Beta glucan	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Bổ sung các loại vitamin và acid amin cần thiết cho tôm, cá	LA.TS2-12
632	Axisto	Amoxycillin trihydrate	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Điều trị bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophilla gây bệnh trên cá Tra	LA.TS2-13
633	APA Flofe 40	Flofenicol	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá da trơn. Ngừng sử dung 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS2-14
634	APA 6 S	β - Glucanase, Bacillus subtillis, Amylase, Protease	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung vi sinh vật đường ruột, nâng cao khả năng hấp thụ thức ăn	LA.TS2-16
635	APA Liverbest	Methionine, Vitamin C, Sorbitol, Lysine	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung các acid amin, phòng các bệnh do thiếu acid amin	LA.TS2-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
636	APA Sun Zyme	Protease, Amylase, Cellulase, Lactobacillus, Bacillus subtillis, Saccharomyces	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung các enzyme, acid amin giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn tốt. Tăng khả năng hấp thu chất dinh dưỡng. Kích thích bắt mồi, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	LA.TS2-18
637	APA Hepaglucal	Beta Glucan, Vitamin C, Acid citric	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Kích thích tôm cá tăng trưởng nhanh, giúp tôm cá tăng sức đề kháng	LA.TS2-19
638	APA Pentax	Praziquantel	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Điều trị hiệu quả các bệnh ký sinh trùng trên cá như ngoại ký sinh trùng (sán đơn chủ, rận cá) nội ký sinh trùng (sán lá gan, sán dây)	LA.TS2-20
639	APA Max	Vitamin C, E, Methionine	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Chống stress, tăng sức đề kháng	LA.TS2-21
640	APA Sil Calci	Dicalcium phosphate, Vitamin A, D3, E, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Thúc đẩy tôm lột xác, phòng trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng ở tôm cá	LA.TS2-23
641	APA Coda	Vitamin A, D3, E, C	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Tăng cường sức đề kháng cho tôm (cá); Phòng chống stress cho tôm (cá) khi thời tiết và môi trường thay đổi nhất là nuôi mật độ cao	LA.TS2-25
642	APA Ox-Bitol	Oxytetracycline	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS2-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
643	APA Best Ox	Oxytetracycline	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do Vibrio gây ra trên tôm, các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nước ngọt	LA.TS2-27
644	APA Ox Max	Oxytetracyclin, Vitamin C	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do Vibrio gây ra trên tôm, các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nước ngọt	LA.TS2-28
645	APA Ox 999	Oxytetracyclin	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	LA.TS2-29
646	APA Fishspore	Fenbendazol	Gói, bao,	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Diệt các loại nội ký sinh trùng ở cá như giun tròn đường ruột, trong ống mật, giun đầu gai, sán lá, sán dây	LA.TS2-30
647	APA KILL ALGEA	Bronopol	Chai	100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	Phòng và trị an toàn các bệnh do nguyên sinh động vật ký sinh (Ichthyophthirius sp., Trichodina sp., Epistylis sp., Vorticella sp....) gây ra trên cá. Trị và khống chế các bệnh do nấm (Saprolegnia sp., Aphanomyces sp., Achlya sp....) gây ra trên cá và trứng cá	LA.TS2-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
648	APA KILL PORINE	Praziquantel	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	LA.TS2-32
649	APA DOXYL 20	Doxycycline	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm, gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus	LA.TS2-33
650	APA DOXYL 10	Doxycyclin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm, gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus	LA.TS2-34
651	APA ERY	Erythromycin thiocyanate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh gan thận mủ do E.ictaluri gây ra trên cá Tra	LA.TS2-35
652	APA Amin B	Sortbitol, Methionine, Lysine, Tryptophan	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung acid amin thiết yếu cho tôm, cá phát triển	LA.TS2-36
653	APA COTRIM48	Sulfadimidin, Trimethoprim	Chai	100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (Đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết……) trên cá nuôi nước ngọt	LA.TS2-37
654	APA TAKA	Sulfadimethoxine, Ormetoprim, Vitamin C, Vitamin E, Selenium hữu cơ	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Vibrio (Vibrio vulnificus, V.alginolitycus, V.harveyi,...) gây ra cho tôm như bệnh như phát sáng, phân trắng, đứt râu, phồng đuôi, hoại tử, đen mang, đốm nâu	LA.TS2-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
655	APA SULIM	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị các bệnh nhiễm khuẩn trên cá do các loại vi khuẩn Edwardsiella ictaluri, Aeromonas, Flexibacter, Pseudomonas, Vibrio spp gây các triệu chứng: sưng chướng bụng, gan - thận có mủ, lở loét toàn thân, đốm trắng, đốm đỏ, trắng đuôi, tuột nhớt, thối đuôi, thối vây	LA.TS2-39
656	APA LACTO F	Lactobacillus reuteri, Lactobacillus salivarius, Saccharomyces cerevisiae	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung men vi sinh, giúp tôm dễ tiêu hóa thức ăn và phát triển nhanh	LA.TS2-40
657	APA MEN S	Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiea	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào đường ruột cho tôm, cá. Giúp ổn định đường ruột, tiêu hóa tốt thức ăn	LA.TS2-41
658	APA MELY	Sorbitol, Methionine, Lysine, Cyanocobalamin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng cường chức năng gan	LA.TS2-42
659	APA VITA	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin C, Acid folic	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết, giúp tôm, cá mau lớn, khỏe mạnh tăng tỷ lệ sống, chống sốc và giúp kích cỡ tôm, cá đồng đều	LA.TS2-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
660	APA AZIN	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Chai	100 ml, 200 ml, 500 ml, 1 lít, 5 lít, 10 lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	LA.TS2-44
661	APA BETACAN	Betaglucan (1,3 - 1,6)	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng sức đề kháng của tôm cá, đạt tỷ lệ sống cao trong quá trình nuôi	LA.TS2-45
662	APA VITA F	Monopotassimnitrate, Potassim phosphate, Mono ammonium phosphate, Sắt, Kẽm, Mangan, Megiesium, Đồng, Mn, Co, Folic acid, Vitamin B1, Vitamin B2 Vitamin B12	Chai	100 ; 200; 500 ml, 1; 5; 10 lít	Cân bằng hệ sinh thái, giảm sự giao động về nhiệt độ và ổn định. Giúp tảo phát triển, gây màu nước ao nuôi	LA.TS2-46
663	APA C MAX	Vitamin C, Acid citric	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng cường sức đề kháng, chống bị sốc khi thời tiết nắng nóng hoặc thay đổi đột ngột, độ mặn quá cao hay quá thấp, tảo tàn mất màu nước, pH không ổn định. Giúp tôm nhanh phục hồi	LA.TS2-47
664	APA SULOR	Sulfadimethoxin, Ormetoprim	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	LA.TS2-48

TIỀN GIANG

1. CÔNG TY DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
665	Meko.Flor 20%	Florfenicol	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn *Edwarsiella ictaluri* gây ra trên cá tra, basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	TG.TS1-1
666	Meko.Flor 5%	Florfenicol	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn *Edwarsiella ictaluri* gây ra trên cá tra, basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	TG.TS1-2
667	MEKO.SULFAN	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Túi, lon	50, 100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	TG.TS1-4

VĨNH LONG

1. CÔNG TY TNHH TM - DV & SX NAM PHÁT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
668	NPV-Prozyme 900	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Protease, Amylase	Gói, hộp, bao	100, 200, 300, 400, 500g; 1, 3, 4, 5, 10, 15, 20kg	Cung cấp men vi sinh và enzyme tiêu hóa giúp cá dễ tiêu hóa thức ăn, *tăng hiệu quả sử dụng thức ăn*	VL.TS1-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
669	NPV Bio-Subtyl	Bacillus subtilis	Túi, lon, xô	100, 200, 300, 400, 500g; 1, 4, 5,10,15, 20kg	Cung cấp vi khuẩn hữu ích cho đường ruột, giúp kích thích tiêu hóa, tăng khả năng hấp thu thức ăn, giúp cá tôm ăn nhiều mau lớn	VL.TS1-11

B. DANH MỤC THUỐC THÚ Y THỦY SẢN NHẬP KHẨU

MỸ

1. SCHERING - PLOUGH ANIMAL HEALTH

CÔNG TY TNHH TM THÚ Y TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
1	Aquafen	Flofenicol	Gói, hộp	2kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây ra ở cá tra, cá basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	USA.TS1-1	3004.20

2. INTERNATIONAL NUTRITION INC

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN INTERNATIONAL NUTRITION

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
2	Soluble ADE	Vitamin A, E, D3	Gói, hộp, bao	100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Tăng cường sự hấp thu và chuyển hóa canxi, phospho	USA.TS2-1	3004.50

3. PHARMAQ AS.

CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
3	Romet 30	Sulfadimethoxine, Ormetoprim	Thùng, bao	22,68kg	Trị nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas sp. trên cá	USA.TS5-1	3004.20

THÁI LAN

4. BIOPHARMA RESEARCH & DEVELOPMENT CO., LTD

CÔNG TY VIỆT PHÁP QUỐC TẾ

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
4	SPIRUVIT	Vitamin A, D, E, B1, B2, B6	Hộp	400g	Nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn. Thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm	THA.TS1-1	3004.50
5	EX-PRO	*Lactobacillus plantarum, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae*	Hộp	400g	Giúp tiêu hóa tốt thức ăn	THA.TS1-2	30023000

5. WELLTECH BIOTECHNOLOGY PRODUCTS CO.,LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
6	BIO PAK	*Sacharmyces cerevisiae, Lactobacillus plantarum*	Hộp, xô	450g; 3kg	Tăng cường tiêu hóa và hấp thu thức ăn cho tôm	THA.TS2-1	293790

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
		Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Amylase, Protease, Lipase, Copper Proteinate, Zine proteinate, Potassium proteinate, Yucca					
7	C-SHRIMP	Vitamin C bọc	Gói	1kg	Nâng cao sức đề kháng; Tăng khả năng chịu đựng stress	THA.TS2-2	3004.50

6. BIO SOLUTION INTERNATIONAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
8	Aquamax	Taurine, Thiamine, Pyridoxine, Cobalamin	Gói, hộp	250g	Bổ sung các vitamin cần thiết trong khẩu phần ăn của tôm cá. Nâng cao khả năng chuyển hóa của thức ăn	THA.TS3-1	3004.50
9	Aquamax L	Taurine, Thiamine, Pyridoxin, Cobalamin, Sodium chloride, Potassium chloride, Tá dược v.đ	Chai	1 lít	Bổ sung các vitamin cần thiết trong khẩu phần ăn của tôm cá. Nâng cao khả năng chuyển hóa của thức ăn	THA.TS3-2	3004.50

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
10	Combax	Vitamin D3, Vitamin C, Sodium chloride, Dicalcium chloride, Potassium chloride, Ferrous sulfate monohydrate, *Bacillus subtilis, B.licheniformis, B.pumilus*	Gói, hộp	1kg, 2kg, 5kg	Hỗ trợ tiêu hóa, giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn	THA.TS3-3	3004.50
11	Nutrimix Fish	Vitamin B2, B12, C, K3, Inositol	Gói, hộp	1kg	Giúp cá mau chóng phục hồi sức khỏe. Kích thích cá ăn mạnh, làm tăng khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn. Giảm stress và tăng cường sức đề kháng cho cá	THA.TS3-5	3004.50

7. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
12	Green up	$FeSO_4$, $CuSO_4$, $ZnSO_4$, $MnSO_4$, $MgSO_4$	Gói, hộp	1kg, 2kg	Bổ sung các chất khoáng vi lượng giúp thực vật phù du phát triển ổn định, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm	THA.TS4-4	3004.90.99
13	Growmix	$Ca(H_2PO_4)_2$, $ZnSO_4$, $MnSO_4$, $CuSO_4$, $FeSO_4$, Na_2SeO_3, $CoSO_4$, $MgSO_4$, NaCl,	Bao	1kg	Bổ sung các khoáng chất thiết yếu cho tôm cá; Phòng và trị các bệnh do thiếu khoáng chất ở tôm cá, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh	THA.TS4-9	3004.90.99

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
14	Bot Clean	Peroxygen (Potassium peroxymonosulfate), Malic acid, Surfactant (Sodium dodecyl benzene sulphnate), Sodium hexametaphosphate	Lon, xô	500g; 1kg, 3kg	Khử trùng nước ao nuôi	THA.TS4-11	380894

8. PINPANAT INTERNATIONAL CO.,LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
15	XC 90	Troclosene sodium 99,9% (Available chlorine 60,9%)	Hộp, xô, thùng	1, 3, 5, 30kg	Sát trùng, vi khuẩn gram âm, gram dương, bào tử trong nước	THA.TS5-1	380894
16	Innovit	Vitamin B2, B12, C, K3, Inositol	Lon, bao	100, 500g; 1, 2, 25kg	Dùng cho tôm cá: giảm stress, tăng cường sức đề kháng, kích thích ăn, tăng khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn	THA.TS5-7	3004.50
17	Ultimix	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, lysine, $Ca(H_2PO_4)_2$, $FeSO_4$, $CuSO_4$, $ZnSO_4$, $MgSO_4$, $MnSO_4$, $CoSO_4$, NaCl, Na_2SeO_3	Lon, bao	500g; 1, 2, 25kg	Bổ sung các vitamin, acid amin, khoáng chất thiết yếu cho tôm; Phòng và trị bệnh xốp thân mềm vỏ ở tôm, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh	THA.TS5-8	3004.50

9. VET SUPERIOR CONSULTANT CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
18	Zynoco	Calcium proteinate, Magnesium proteinate, Potassium proteinate, Zinc proteinate, Manganses proteinate, Iron proteinate, Copper proteinate, Chromium proteinate, Cobalt proteinate	Chai	500ml; 1 lít	Bổ sung các khoáng chất hữu cơ thiết yếu cho tôm cá, phòng các bệnh do thiếu khoáng chất như chậm lớn, mềm vỏ, hỗ trợ tôm lột vỏ và cứng vỏ nhanh; giúp phát triển hệ xương và vảy ở cá	THA.TS6-1	3004.90.99

10. BETTER PHARMA CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
19	ANTIBAC	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprime	Can	1 lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS7-1	3004.20

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
20	OXYBAC 50	Oxytetracycline hydrochloride	Can	1 lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS7-2	3004.20

10. BETTER PHARMA CO., LTD

CÔNG TY CP KINH DOANH THUỐC THÚ Y AMAVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
21	AQUANES	Eugenol 5%	Gói	100ml, 500ml; 1,5 lít	Thuốc gây mê trên cá	THA.TS7-3	3004.90.49

11. ADVANCE PHARMA CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
22	OT 20	Oxytetracycline hydrochloride	Túi nhựa, chai nhựa	100g, 500g	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS8-1	3004.20

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
23	OT 50	Oxytetracycline hydrochloride	Túi nhựa, chai nhựa	100g, 500g	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS8-2	3004.20

11. ADVANCE PHARMA CO., LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
24	Trino Prim	Sulfamonomethoxine Sodium, Trimethoprim	Gói	500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do *Aeromonas hydrophila, Pseudomonas spp.*, Vibrio spp. Và Sreptococcus spp. Trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 21 ngày trước thu hoạch	THA.TS8-3	3004.20

12. SAHATHANEE CO., LTD

CÔNG TY CP KINH DOANH THUỐC THÚ Y AMAVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
25	Microclean 100 Premix	Bacillus subtilis	Gói, túi, bao	100g, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cải thiện việc sử dụng thức ăn trên tôm, cá	THA.TS9-1	30023000

ẤN ĐỘ

13. SVAKS BIOTECH INDIA PVT. LTD

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
26	C-Vits	Vitamin C	Gói, hộp, bao	250g, 500g, 1kg, 25kg	Giúp tôm tăng khả năng kháng bệnh. Giảm stress khi môi trường thay đổi	IND.TS1-1	3004.50
27	PROFS	Amylase, Protease, Cellulase, Xylanase, *Candida utilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae*	Hộp, gói	50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10kg	Thúc đẩy quá trình tiêu hóa và hấp thụ thức ăn của tôm	IND.TS1-2	30023000

14. SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
28	suPerio	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản. Sát trùng dụng cụ, lồng bè, bồn bể, trại sản xuất tôm cá giống	IND.TS2-5	380894

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
29	uniQsan	Formalin, Benzalkonium chloride	Can	2, 5 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi	IND.TS2-6	380894
30	bioNa	Allicine	Gói, hộp	500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, kiểm soát hiệu quả tác nhân gây bệnh đường ruột	IND.TS2-7	
31	Sanio	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nước ao nuôi thủy sản	IND.TS2-8	380894

15. LIFE LABOLATORIES

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
32	IOMAX	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản	IND.TS3-2	380894

16. BIOSTADT INDIA LIMITED

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
33	IODIS	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản. Sát trùng dụng cụ, lồng bè, bồn bể, trại sản xuất tôm cá giống	IND.TS4-3	380894

17. KEMIN INDUSTRIES SOUTH ASIA PVT. LTD

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
34	CYANO CURD®	Trihydroxy benzoic acid	Gói, hộp, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Ức chế sự tảo lam và nâng cao sự phát triển của tảo có lợi	IND.TS5-1	380894

18. SHREE CHLORATES (PROP.ZENITH ELECTROCHEM PVT.LRD)

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG (NAVETCO)

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
35	Sodium Chlorite 20%	$NaClO_2$	Túi	100, 500g; 1, 2, 5, 20, 50kg	Khử trùng nước, sát khuẩn, khử mùi	IND.TS6-1	380894

ĐÀI LOAN

19. LONG MAN AQUA CO, LTD

CÔNG TY TNHH LONG SINH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
36	SHRIMP POWER	Vitamin A, B2, C, D3	Gói, hộp, bao	500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Giúp tôm tăng trưởng nhanh, tăng sức đề kháng	TAI.TS1-1	3004.50
37	THREE IN ONE	Vitamin E, K, H	Gói, hộp	100g, 200g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin giúp tôm cá khỏe mạnh	TAI.TS1-2	3004.50

20. WALLANCE PHARMACEUTICAL CO.,LTD

CÔNG TY TNHH BÁCH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
38	B-41	Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	50g, 100g, 500g	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	TAI.TS2-1	3004.20
39	B-40	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	50g, 100g, 500g	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	TAI.TS2-2	3004.20

21. NICE GARDEN INDUSTRIAL CO.,LTD

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
40	Fantai Chlormate	Calcium Hypochlorite	Thùng	10, 20, 25, 40, 45, 50kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, ao lắng, bể lắng và bể ương	TAI.TS3-1	30049030
41	CLOR POWER	Sodium hypochlorite 70%	Bao	10, 20, 25, 40, 45, 50kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, ao lắng, bể lắng và bể ương	TAI.TS3-2	3004.90.99
42	Fantai TCCA 90%	Chlorine (90%)	Hộp, xô	1, 2, 5, 20kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, bể lắng, bể ương nuôi	TAI.TS3-3	380894

22. BION TECH INC, TAIWAN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
43	Combax	Bacillus (B. subtilis, B. licheniformis, B. pumilus)	Bao	500g; 1kg, 2kg	Giúp tăng hấp thu thức ăn, ăn nhiều ở tôm, cá; giảm chất thải trong ao nuôi	TAI.TS4-1	30023000
44	Maxifort	Bacillus subtilis	Bao nhôm	100, 500g; 1, 2, 20kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi, tăng cường khả năng tiêu hóa thức ăn cho tôm, cá	TAI.TS4-2	30023000

23. VEDAN BIOTEACHNOLOGY CORPORATION

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
45	Bio Boost	Alanine, Isoleucine, Glycine, Valine, Glutamic acid, Aspartic acid	Chai, can	1, 5, 20 lít	Bổ sung acid amin cần thiết cho tôm cá. Phòng và trị một số bệnh do thiếu acid amin ở tôm cá như còi, chậm lớn. Cải thiện hệ số thức ăn	TAI.TS5-1	3004.50

24. SBC VIRBAC BIOTECH CO., LTD

CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
46	Piscigen ESC Edwardsiella ictaluri Inactivated	Edwardsiella ictaluri	Chai	500ml	Gây miễn dịch chủ động giúp ngăn ngừa bệnh gan thận mủ gây ra bởi Edwardsiella ictaluri trên cá tra	TAI.TS6-1	30023000

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
	Immersion Bacterin, Piscigen ESC Edwardsiella ictaluri Inactivated Oral Bacterin						

TRUNG QUỐC

25. GUANG DONG HAIFU MEDICINE CO., LTD

CÔNG TY TNHH KHO VẬN, GIAO NHẬN VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH Ý

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
47	LORFENICOL	Florfenicol	Gói, hộp	100g, 250g	Điều trị các loại bệnh xuất huyết, viêm loét đường ruột của thủy sản (cá basa) gây nên bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	CHN.TS1-1	3004.20

26. AQUACHEM INDUSTRY CO; LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
48	HG 99	Chlorine	Hộp, xô	1kg, 3kg, 5kg, 30kg	Sát trùng nước ao nuôi thủy sản	CHN.TS2-1	380894

27. GUANGZHOU HUADOUDISTRICT HENGTAI ANIMAL PHARMACEUTICAL FACTORY

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VICATO

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
49	Vicato khử trùng (TCCA) dạng bột	Chlorine (Trichloro isocyanuric acid)	Chai, thùng, bao	1, 2, 5, 25, 40, 80kg	Khử trùng môi trường nuôi trồng thủy sản; khử trùng dụng cụ, bể ương thủy sản	CHN.TS3-1	380894
50	Vicato khử trùng (TCCA) dạng viên	Chlorine (Trichloro isocyanuric acid)	Thùng, túi	Viên 2g; Thùng, túi: 1, 2, 5, 10, 20, 50kg	Khử trùng môi trường nuôi trồng thủy sản; khử trùng dụng cụ, bể ương thủy sản	CHN.TS3-2	380894

28. CHINA AT BIOCHEMISTRY SCITECH CO., LTD

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
51	Chlorine Dioxide	$NaClO_2$	Hộp	1kg	Khử trùng nước, diệt khuẩn, khử mùi	CHN.TS4-1	380894

29. TIANJIN RUIFUIN CHEMICAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TÂN AN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
52	Calcium Hypochlorite	Chlorine	Thùng	50kg	Khử trùng nước ao nuôi thủy sản	CHN.TS5-1	380894

30. TIANJIN KAIFENG CHEMICAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TÂN AN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
53	Calcium Hypochlorite	Chlorine	Thùng	50kg	Khử trùng nước ao nuôi thủy sản	CHN.TS6-1	380894

31. GUANGZHOU HUADOU DISTRICT HENGTAI ANIMAL PHARMACEUTICAL FACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NGỌC PHƯƠNG VIỆT

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
54	TOMCAVIET-TCCA	Trichloroisocyanuric acid	Chai, xô	1, 2, 5, 10, 20, 50kg (Viên 2g, 20g, 200g)	Sát trùng, xử lý nguồn nước cấp cho ao nuôi tôm, cá; Khử trùng bể nuôi và dụng cụ	CHN.TS7-1	380894

CHILÊ

32. LABORATORY CENTROVET LTD

CÔNG TY TNHH TM&SX VIỆT VIỄN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
55	Cress 50%	Bronopol	Chai	500ml, 1 lít, 5 lít	Diệt khuẩn và phòng trị nấm thủy mi Saprolegnia trên cá nuôi và trứng cá thụ tinh	CHI.TS1-1	30049030
56	Yodocap 10%	Povidone Iodine	Chai, thùng	500ml; 1, 5, 20L	Khử trùng nước, dụng cụ nuôi trồng thủy sản	CHI.TS1-2	380894

ITALY

33. CÔNG TY DOX-AL S.P.A

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
57	SANIDOX	Chloramin T	Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Tiêu diệt virus, vi khuẩn, ký sinh trùng và nguyên sinh động vật trên tôm cá; sát trùng dụng cụ thiết bị trong sản xuất giống thủy sản	ITA.TS1-1	30049030
58	VANATOP	Vitamin B1, B2, B6, Methionine, Lysine, $CaHPO_4$, $FeSO_4$, $ZnSO_4$	Chai	500ml; 1 lít	Bổ sung các vitamin, khoáng chất, acid amin thiết yếu cho tôm, cá	ITA.TS1-2	3004.50
59	RICODEN	$FeSO_4.7H_20$, $CaHPO_4$, $NaH_2PO_4.2H_2O$, $MnSO_4.4H_2O$, $ZnSO_4.7\ H_2O$, $CoCl_2$, Na_2SeO_3, KH_2PO_4	Chai	500ml; 1, 5, 10 lít	Bổ sung các khoáng chất thiết yếu cho tôm cá; Phòng và trị các bệnh ở tôm, cá do thiếu khoáng chất như chậm lớn, xốp thân mềm vỏ ở tôm, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh; giúp phát triển hệ xương và vảy ở cá	ITA.TS1-3	3004.90.99
60	DOXALASE	Lysine, alanine, leucine, methionine, arginine, tryptophan, proline, serine, aspartic acid.	Chai	250ml, 500ml; 1 lít	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	ITA.TS1-4	3004.50

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
61	Santax T	Vitamin B1, B2, B6; $CaHPO_4$, $FeSO_4$, $ZnSO_4$, NaCl, $MgSO_4$, $CuSO_4$	Bao, xô	1kg, 3kg, 20kg	Bổ sung các vitamin và khoáng chất, phòng trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất ở cá như giảm ăn, chậm lớn	ITA.TS1-5	3004.50
62	BRAVO	Lysine, Alanine, Leucine, Methionine, Arginine, Aspartic acid	Bao, xô	500g; 1, 2, 3, 5, 25kg	Bổ sung acid amin cho tôm, cá, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	ITA.TS1-6	3004.50
63	Energeo	Cinnamaldehyde, Vitamin A, E, B1, B2, Inositol	Bao, xô	500g; 1, 2, 5, 20, 25kg	Bổ sung vitamin cho tôm, cá, phòng và trị bệnh do thiếu vitamin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, sức đề kháng, hỗ trợ trong điều trị bệnh nhiễm khuẩn cho tôm, cá	ITA.TS1-7	3004.50

PHÁP

34. CÔNG TY AQUA TECHNA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
64	IMMUTECH - S/F	Vitamin E, C, Selenium, Beta-Glucan, Mano-olygosaccharide	Hộp, gói, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Ngăn ngừa stress và phục hồi sức khỏe sau stress	FRA.TS1-1	3004.50

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
65	PERFOSTIM-S/F	Vitamin E, C, Se, *Pediococcus acidilactici*	Hộp, gói, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột cho tôm và cá trong quá trình nuôi. Cải thiện tình trạng sức khỏe cho tôm	FRA.TS1-2	3004.50
66	CALCI-S	Dicalcium phosphate, Vitamin A, D3, E, Betaine, Inositol	Gói, hộp, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Bổ sung các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của tôm	FRA.TS1-3	3004.50

35. PHYTOSYNTHESE

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
67	PROTOPHYT	Vitamin B1, B2, E, A, Cinnamaldehyde	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Nâng cao sức đề kháng và hỗ trợ trong điều trị nhiễm khuẩn ở tôm, cá	FRA.TS2-1	3004.50
68	Sedaqua	Vitamin B1, B2, A, E, Valerenic acid	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm, cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Hỗ trợ giảm stress cho tôm, cá	FRA.TS2-2	3004.50
69	Oxynat 3D	Vitamin A, B1, E, Curcuminoid	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin A, E cho tôm, cá; Phòng và trị một số triệu chứng do thiếu vitamin A, E; tăng sức đề kháng cho tôm, cá	FRA.TS2-3	3004.50

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
70	Phytopro	Vitamin B1, B2, A, Inositol	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin trong quá trình lột xác, tăng trưởng	FRA.TS2-4	3004.50
71	PHYTOPHYT	Vitamin B1, B2, E, A, Inositol, Sylimarine	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Hỗ trợ cải thiện chức năng gan	FRA.TS2-5	3004.50

36. BRETAGNE CHIMIE FINE - (BCF)

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
72	Maxilon+	Arginin, Alanine, Cystine, Leucine, Valine, Phenylalanine, Glycine, Isoleucine, Lysine, Proline, Threonine, Serine, Glutamic acid	Chai	1 lít	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	FRA.TS3-1	3004.50
73	Maxilon	Arginin, Alanine, Cystine, Leucine, Valine, Phenylalanine, Glycine, Isoleucine, Lysine, Proline, Threonine, Serine	Lon, bao	180g, 1kg, 25kg	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	FRA.TS3-2	3004.50

ANH

37. COVENTRY CHEMICALS LIMITED

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
74	Aqua Omnicide	Glutaraldehyde, Cocobenzyl dimethyl ammonium chloride	Can	1, 5, 20 lít	Sát trùng nguồn nước nuôi trồng thủy sản	ENG.TS1-1	380894

38. NOVATIS ANIMAL VACCINES LTD

CÔNG TY TNHH TM THÚ Y TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
75	Pyceze	Bronopol 500mg/ml	Chai	1 lít, 5 lít	Phòng và trị nấm (Saprolegnia spp) trên trứng cá hồi và cá hồi Atlantic nuôi trang trại, cá hồi vân nuôi trong vùng nước ngọt	ENG.TS2-1	30049030

39. PHARMAQ LTD

CÔNG TY TNHH PHARMAQ VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
76	Tricaine Pharmaq	Tricaine Methane Sulphonate 100%	Gói	25, 100, 250g; 1kg	Dùng ngâm để gây mê cho cá	ENG.TS3-1	3004.90.49

40. QUAT CHEM LTD

CÔNG TY TNHH RUBY

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
77	QuatSan	Quaternary Ammonium Compounds	Can, thùng	5 & 25 lít; 200kg & 1000kg	Sát trùng bề mặt, cơ sở nuôi, trang thiết bị	ENG.TS4-1	380894
78	Viroxide Super	Triple Salt	Bình, gói, bao	1, 2, 5kg	Sát trùng bề mặt, cơ sở nuôi, trang thiết bị	ENG.TS4-2	380894
79	Viroxide Aqua	Triple Salt	Bình, gói, bao	1, 2, 5kg	Sát trùng nước ao nuôi trước khi thả giống. Sát trùng bề mặt cứng, thiết bị, dụng cụ nuôi	ENG.TS4-3	380894
80	Aquaguard	Quaternary Ammonium Chloride	Can, thùng	1, 5, 25, 200, 1000kg	Sát trùng nước ao nuôi trước khi thả giống	ENG.TS4-4	380894

HÀN QUỐC

41. CTCBIO INC HÀN QUỐC

CÔNG TY TNHH CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
81	Prazi-Capsule 40	Praziquantel	Gói	1kg	Trị sán lá đơn chủ. Thời gian ngừng sử dụng thuốc trước thu hoạch 10 ngày	KOR.TS1-1	3004.90.99

42. CÔNG TY PROBIONIC

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
82	proBio Aqua	*Lactobacillus reuteri, Lactobacillus salivarius, Saccharomyces cerevisiae*	Gói, hộp	250g, 500g; 1kg, 5kg	Bổ sung dinh dưỡng, giúp tôm dễ tiêu hóa thức ăn và phát triển nhanh	KOR.TS2-1	30023000

MALAYSIA

43. Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN.BHD

CÔNG TY TNHH Y.S.P VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
83	LACPAN POWDER	Biodiatase, Lactobacillus powder, Vitamin A, D3, E, vitamin B1 mononitrate, B2, B6, B12, C, Nicotinamide, Ca Pantothenate, Folic acid, Lysin HCl, Ca phosphate dibasic	Bao nhôm	100g, 1kg	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu vitamin; cải thiện tiêu hóa và hấp thu các chất dinh dưỡng	MAL.TS1-1	3004.50
84	Vitosol Powder	Vitamin A, D3, E, B1, Riboflavin, Pyridoxine hydrochloride, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Ascorbic acid, Biton, Calcium Pantothenate, Folic acid	Bao nhôm	100g, 1kg	Phòng ngừa và điều trị stress gây ra do bệnh tật, tăng sự thèm ăn	MAL.TS1-2	3004.50
85	IPORE POWDER	Povidine Iodine	Bao nhựa	100g, 1.5kg	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản. Sát trùng nhà xưởng, dụng cụ, trang thiết bị trong bể ương	MAL.TS1-3	380894

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
86	IPORE SOLUTION	Povidone Iodine	Chai nhựa	1, 3.8, 25 lít	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản. Sát trùng nhà xưởng, dụng cụ, trang thiết bị trong bể ương	MAL.TS1-4	380894
87	Maxiplus Powder	Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Manganese sulfate, sodium citrate, Glucose (Dextrose) Anhydrous, sodium bicarbonate	Bao nhôm	100g, 1kg	Bổ sung khoáng kích thích tôm lột vỏ, mau lớn; mau cứng vỏ sau khi lột, giúp vỏ tôm dày chắc, bóng đẹp	MAL.TS1-5	3004.90.99
88	Oxytet 60% Powder	Oxytetracycline HCl	Gói, bao	20; 100; 180g; 1; 5; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	MAL.TS1-6	3004.20
89	OXYTET POWDER	Oxytetracycline HCl	Bao nhôm	100g, 1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra với biểu hiện đốm đỏ, xuất huyết, hậu môn sưng đỏ trên cá nuôi nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	MAL.TS1-7	3004.20

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
90	WELLCOM POWDER	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Bao nhôm	100, 500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra với biểu hiện đốm đỏ, xuất huyết, hậu môn sưng đỏ trên cá nuôi nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	MAL.TS1-8	3004.20

SINGAPORE

44. BIOMIN SINGAPORE PTE;LTD

CÔNG TY TNHH BIOMIN VN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
91	AquaStar® Growout	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici. Lactobacillus plantarum	Bao	500g, 1; 5kg	Tăng cường các vi sinh vật hữu ích nhằm cải thiện tiêu hóa và tăng cường chức năng miễn dịch đường ruột cho tôm, cá trong giai đoạn nuôi thương phẩm	SIN.TS2-3	30023000
92	AquaStar® Hatchery	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici. Lactobacillus plantarum	Bao	500g, 1; 5kg	Tăng cường các vi sinh vật hữu ích nhằm cải thiện tiêu hóa và tăng cường chức năng miễn dịch đường ruột cho tôm, cá giống	SIN.TS2-4	30023000

XCỐT - LEN

45. KILCO (INTERNATIONAL) LTD, SCOTLAND

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
93	VIROPHOR	Iodine	Chai	1, 5, 25, 200 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-1	380894
94	VIROGUARD	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai	1, 5, 25, 200 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-2	380894
95	VIREX	Potassium monopersulfate	Gói, hộp	1, 5, 10kg	Sát trùng, khử trùng nguồn nước ao nuôi, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-3	380894

NHẬT BẢN

46. SERACHEM CO., LTD

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
96	Bicomarin 5% Powder	Bicozamycin benzoate	Gói, hộp	500g, 5kg	Điều trị bệnh gan thận có mủ do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra ở cá tra, cá basa. Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	JPN.TS1-1	3004.20

47. HIROSHIMA FACTORY, KYORITSU SEIYAKU CORPORATION

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
97	Ursodeoxycholic acid 5%	Ursodeoxycholic acid	Gói, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Phòng ngừa và điều trị các rối loạn tiêu hóa trên cá	JPN.TS2-1	
98	Glutathione 2%	Glutathione	Gói, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Phòng ngừa và điều trị các rối loạn tiêu hóa trên cá	JPN.TS2-2	380894

ĐỨC

48. NOVUS DEUTSCHLAND GMBH

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
99	MERA™ CID	Formic acid, Propionic acid, Silicic acid, Amonium formate, Amonium propionate	Bao, hộp, xô, thùng	500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 40, 50kg	Bổ sung a xít hữu cơ, kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc trong thức ăn	GER.TS1-1	380894

49. XVET MARKETING GMBH

CÔNG TY TNHH TMSX VIỆT VIỄN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
100	Super CPM	Calcium Chloride, Orthophosphoric acid, Magnesium chlorid	Chai, thùng, phi	500ml; 1, 5, 25, 220 lít	Cung cấp Ca, P cho tôm, nâng cao chất lượng vỏ, cải thiện sự tăng trưởng	GER.TS2-1	3004.90.99

NEW ZEALAND

50. AQUI-S NEW ZEALAND LIMITED

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
101	AQUI-S	Isoeugenol 50%	Chai, lọ	100ml; 1 lít	Thuốc gây mê trên cá tra	NZL.TS1-1	3004.90.49

NA UY

51. CÔNG TY PHARMAQ

CÔNG TY TNHH PHARMAQ VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
102	Anpha Ject panga 1	Vi khuẩn Edwardsiella ictaluri bất hoạt	Chai	500ml	Phòng bệnh nhiễm trùng trên cá tra do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra	NAU.TS1-1	293790

HÀ LAN

52. INTERVET INTERNATIONAL B.V

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
103	Aquavac™ Strep Sa	Streptococcus agalactiae	Chai	50, 100, 250, 500ml; 1 lít	Kích hoạt miễn dịch hỗ trợ phòng bệnh do Streptococcus agalactiae gây ra trên cá điêu hồng	HOL.TS1-1	30023000
104	Norvax® Strep Si	Streptococcus iniae	Chai	100, 250, 500ml; 1 lít	Kích hoạt miễn dịch hỗ trợ phòng bệnh do Streptococcus iniae gây ra trên cá chẽm	HOL.TS1-2	30023000

TÂY BAN NHA

1. INDUSTRIAL VETERINARIA S.A. INVESA

CÔNG TY TNHH TM - SX NAM PHÚC THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
105	Aqua-Net Eco Tablets	Oxidants 96% (Potassium monopersulfate)	Gói, hộp	Viên 200g	Xử lý nước ao nuôi	SPA.TS1-1	380894

C. SẢN PHẨM ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH ĐẾN NGÀY HẾT HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH SẢN PHẨM

SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Gaeclean Aqua	Cu ($CuSO_4$)	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10 lít	Diệt tảo nước ao nuôi	HN.TS9-10

2. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
2	Zeolite	SiO_2, Al_2O_3, CaO, MgO, TiO_2, Fe_2O_3, K_2O, Na_2O	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Hấp thụ ion NH_4 (NH_3) trong môi trường nước ngọt. Lắng tụ các chất lơ lửng và các chất cặn bã khác trong nước	HN.TS5-11
3	SUPER Ca - RT	$CaCO_3$	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 2, 5, 10, 20kg	Tăng độ kiềm, ổn định pH trong ao nuôi	HN.TS5-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
4	Clean QA	*Bacillus licheniformis, Bacillus polymyxa, Bacillus subtilis, Bacillus megaterium*	Túi, hộp, bao	100, 200, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ làm sạch môi trường nước và đáy ao; Cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi tôm	HN.TS5-13
5	TOREN	Sodium Thiosufate, Sodium Lauryl Sulfate, EDTA	Chai, can	100, 200, 500ml, 1, 5, 10, 20 lít	Xử lý nước ao bị ô nhiễm lắng đọng các chất hữu cơ lơ lửng và giảm độ nhớt trong nước	HN.TS5-14
6	OXYMAX	Sodium carbonate peroxide	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Cung cấp oxy hòa tan trong nước, cấp cứu khi tôm nổi đầu do thiếu oxy	HN.TS5-15
7	Rulic	Mono potassium phosphate, mono amonium phosphate, Potassium nitrat, Sodium sillicat, Calci chloride, Magnesium chloride, Vitamin B1, B2, Zinc chloride, Iron nitrate, Copper nitrate, Folic acid	Chai, can	100, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Cung cấp chất dinh dưỡng giúp thực vật phù du phát triển, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm cá; Gây màu nước ao nuôi	HN.TS5-20
8	SAPONIN-RT	Saponin	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Diệt cá tạp	HN.TS5-21

3. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y SVT THÁI DƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
9	TD- Oxygen	Sodium carbonate peroxyde	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 3kg, 5kg	Cung cấp oxy hòa tan cho nước ao nuôi	HN.TS11-2

4. CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG NGUYÊN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
10	ANTI-MET	Ethylenediamine Tetraacetic acid	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HY.TS1-2
11	TOXIC- G	Fe2O3, SiO2	Túi, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thu khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt	HY.TS1-4

5. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SAKAN VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
12	Agaca	Copper	Chai	100, 250, 500ml, 1 lít	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	BN.TS1-1
13	Sakan-Oxygen	Sodium carbonate Peroxide	Túi, lon	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Tăng hàm lượng oxy hòa tan, dùng cấp cứu khi tôm bị nổi đầu	BN.TS1-3
14	Samyxin	EDTA, Sodiumthiosulfate, Sodium Lauryl Sulfate.	Túi, lon	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng, khử kim loại nặng	BN.TS1-5

6. CÔNG TY CP ANOVA PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
15	Aqua Clear-S	*Bacillus subtilis, B.mensentericus, B.licheniformis, Aspergilus oryzae, Lactobacillus acidophillus, Nitrobacter sp, Nitrosomonas sp, Saccharomyces cerevisiae*	Gói, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước; cung cấp nhiều loại vi sinh vật có lợi, nhiều loại men hữu ích cho môi trường	HCM.TS4-16
16	Alkaline	Sodium Bicarbonate	Gói, hộp	500g; 1, 2, 3, 5, 10kg	Ổn định pH, tăng độ kiềm	HCM.TS4-17
17	Aquatoxin	Sodium Thiosulfate, Ethylene Diamine Tetra Acetic Acid, Sodium Lauryl Ether Sulfate	Chai, can	1, 2, 5, 10, 20 lít	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HCM.TS4-20
18	Biotics	*Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophillus, Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae*, Amylase, Protease, Cellulase, SiO_2, Al_2O_3, CaO, Na_2O, MgO, Fe_2O_3, K_2O	Gói, hộp	500g; 1; 3; 5; 10; 12; 15; 20kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá. Hấp thu NH_3 trong môi trường nước ngọt. Lắng tụ các chất lơ lửng trong nước ao nuôi	HCM.TS4-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
19	BIOZE	SiO_2, Na_2O, Al_2O_3, *Lactobacillus acidophillus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae*	Gói, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 12kg	Làm sạch nước ao, xử lý chất cặn bã, chất thải và những chất lắng tụ lơ lửng	HCM.TS4-22
20	Calci	CaCO3	Bao, hộp	20kg	Cải tạo ao nuôi, khử trùng cho đất, điều chỉnh pH. Lắng tụ các chất cặn bã trong nước	HCM.TS4-25
21	SG.BACTER-S	*Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophillus, Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae*	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS4-36
22	SG.Oxide	Glutaraldehyde, Alkyl dimethyl bezyl ammonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật, giúp cải thiện môi trường nước ao	HCM.TS4-37
23	SG.Copper Fish	$CuSO_4.5H_20$	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS4-39
24	SG.Yucanic	Saponin, *Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae*	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS4-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
25	SG.YUCCA-FISH	Yucca schidigera (saponin), *Lactobacillus acidophilus, Bacllus subtilis, Saccharomyces cerevisae, Aspergillus oryzae*	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Giảm khí NH_3. Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của cá trong môi trường nước ao nuôi	HCM.TS4-42
26	ZECA	Yucca schidigera (saponin), MgO, Fe_2O_3, Al_2O_3, SiO_2	Gói, hộp	3, 5, 10, 15kg	Giảm khí NH_3. Bổ sung khoáng chất, lắng tụ các chất lơ lửng trong nước ao nuôi	HCM.TS4-43
27	Aqua Yuca Liquid	Yucca schidigera	Chai, can	1, 2, 5 lít	Giảm khí NH_3 trong môi trường nước ao nuôi	HCM.TS4-44
28	AQUA O.G.C	*Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae*	Gói, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS4-45

7. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
29	STARSAPONIN	Saponin	Bao, gói	1, 2, 2.5, 3, 4, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Diệt các loài cá tạp, kích thích tôm lột vỏ	HCM.TS5-9

8. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
30	Navet-Biozym	*Bacillus subtilis, Saccharomyces boulardii, Lactobacillus acidophilus, L.plantarum,* Amylase, Protease	Gói, hộp	500g; 1kg	Phân hủy các chất hữu cơ làm sạch môi trường nước và đáy ao	HCM.TS12-10

9. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC B.E.C.K.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
31	BK-DRT	Copper as elemental (trong CuSO4 10%)	Can nhựa	100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Diệt các loại tảo, rong nhớt, rong đá trong ao nuôi	HCM.TS14-12

10. CÔNG TY TNHH NOBEN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
32	BEN GOLD RV	Copper as elemental 8%	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS19-17
33	BEN COPPER 500	Copper as elemental 50%	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS19-18
34	NO TOXIN	Sodium lauryl sulfate, Sodium thiosulfate, EDTA	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HCM.TS19-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
35	BIO BOOK	*Bacillus subtilis, Saccharomyces boulardii, Lactobacillus acidophilus*, Alpha-amylase, Protease	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS19-20
36	ROVAZYME	*Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacilus subtilis*	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá Giảm khí độc, ổn định chất lượng nước	HCM.TS19-21
37	Super Yucca	Yucca Schidigera	Chai, can	500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Hấp thụ và làm giảm khí NH_3 nhanh chóng	HCM.TS19-22
38	ROVABIO AP	*Bacillus Subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus polymyxa, Lactobacillus, Saccharomyces cerevisiae, Nitrosomonas spp,* Amylase, Protease, Lipase, Cellulase	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy nhanh các chất cặn bã, thức ăn dư thừa và bùn dưới đáy ao nuôi; Cải thiện chất lượng nước	HCM.TS19-23
39	ROVA OTIC	*Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacilus subtilis, Aspergillus niger,* Amylase, Protease	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, thức ăn dư thừa, phân tôm và mùn bã hữu cơ ở đáy ao. Giảm khí độc NH_3, H_2S, NO_2. Cung cấp thêm vi sinh có lợi trong ao Ổn định chất lượng nước	HCM.TS19-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
40	AQUA MICRO	*Rhodobacter pseudomonas, Rhodococcus spirillum*	Chai, can	500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá. Ổn định chất lượng nước, cân bằng hệ sinh thái trong ao	HCM.TS19-25

9. CÔNG TY TNHH SX&TM TÔ BA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
41	TB-DRT	Copper as element	Can nhựa	100, 250, 500ml; 1; 2; 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS23-16
42	ST-TOBA TCCA	Tricholoroisocyanuric acid	Hộp	1, 2, 5kg	Tiêu diệt các vi sinh vật, diệt tảo, rong rêu trong nước. Xử lý nước trước khi nuôi tôm	HCM.TS23-19

10. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y GẤU VÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
43	POLY-BAC 1002	Bacillus subtilis, B.mensentericus, B.licheniformis, Asper-gilus oryzae, Lacto-bacillus acidophillus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp, Saccharomyces cerevisiae	Bao, lon, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước; cung cấp nhiều loại vi sinh vật có lợi, nhiều loại men hữu ích cho môi trường	HCM.TS31-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
44	Super vi sinh	Rhodobacter pseudomonas., Rhodococus spirillum	Chai, can	250ml; 1, 4, 5, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS31-13
45	YUCCA 5000	Yucca schidigera	Can	100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10, 20 lít	Giảm khí NH_3 trong môi trường nước ao nuôi	HCM.TS31-17
46	Yuccazyme 800	Yucca schidigera extract, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Làm giảm khí NH_3, phân hủy mùn bả hữu cơ, chất thải của tôm, cá	HCM.TS31-18
47	Nitrozyme 312	Bacillus subtilis, Bacillus mensentericus, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus, Nitrobacter spp., Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae	Bao, lon	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước. Cung cấp nhiều vi sinh vật có lợi	HCM.TS31-19
48	Gava Lafu 340	Monopotassium phosphate, Mono-amonium phosphate, Potassium carbonate, boric acid, Mn	Chai, can	50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10, 20 lít	Gây màu cho nước ao nuôi, tạo môi trường phát triển hệ tảo và thực vật phù du, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm	HCM.TS31-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		($MnCl_2.4H_2O$, EDTA Mn), Fe ($FeCl_3.6H_2O$, EDTA Fe), Zn ($ZnCl_2.4H_2O$, EDTA Zn), Cu ($CuCl_2.4H_2O$, EDTA Cu), Calcium, Magnesium, Vitamin C, B1, B2, B6, B12				

11. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
49	YUCCA - FS	Yucca Schidigera	Chai Can	60, 120, 250, 500, 1.000ml 2 lít, 5 lít	- Xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Làm giảm khí độc NH3	HCM.TS34-13
50	NAKOCID	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride	Chai Can	60, 120, 250, 500, 1.000ml 2 lít, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	HCM.TS34-14
51	AQUA - COPPER	Copper as elemental	Chai Can	60, 120, 250, 500, 1.000ml 2 lít, 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS34-15
52	MENBAC	Bacillus subtilis L.acidophilus Nitrosomonas sp Nitrobacter sp	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao - Hấp thụ khí NH_3	HCM.TS34-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
53	TN-Cleaner	Bacillus subtilis, L.acidophilus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp	Gói, hộp nhựa, bao	100g; 250g, 500g; 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao. Hấp thụ khí NH_3	HCM.TS34-41
54	Nabiotic	*Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus,Saccharo myces cerevisae*, α - Amylase, Protease	Gói, hộp nhựa, bao	100g; 250g, 500g; 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS34-43
55	NP-lactizym	*Bacillus subtilis, Lacto-bacillus acidophilus,Saccharo myces cerevisae*, α - Amylase, Protease	Gói, hộp nhựa, bao	100g; 250g, 500g; 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS34-44
56	NP-Rhodo	*Rhodobacter sp Rhodococus sp*	Chai, can	60, 120, 250, 500ml, 1, 2, 5 lít	- Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao	HCM.TS34-45

12. CÔNG TY TNHH HƯƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
57	Aqua Biozyme	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus	Gói, hộp	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi	HCM.TS50-10
58	HANA BioTab	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus,	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, phân tôm và xác tảo trong ao nuôi. Cải thiện chất lượng môi trường ao nuôi	HCM.TS50-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Pectinase				
59	HANI-Bio Soak	Bacillus subtilis, Bacillus lichenifomis, Bacillus megaterium	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi	HCM.TS50-14
60	Men Biozyme	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococus spirillum	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi	HCM.TS50-15
61	Enzyme VS Zeo	Fe_2O_3, SiO_2	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 12; 1kg	Hấp thu khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt	HCM.TS50-17
62	EDTA	Sodium thiosulfate, EDTA (Ethylene diamine-tetraacetic acid)	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HCM.TS50-18
63	NADA Toxin	EDTA (Ethylene diamine-tetraacetic acid)	Gói, lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HCM.TS50-19
64	COPPER 10%	Copper ($CuSO_4.5H_2O$)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS50-26
65	DRT	Copper ($CuSO_4.5H_2O$)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS50-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
66	YUCCA QUILAJA	Dịch chiết *Yucca Schidiger*	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L, 10L	Giảm khí độc NH_3 trong môi trường nước, cải thiện chất lượng nước ao nuôi	HCM.TS50-30
67	DRT	Copper ($CuSO_4.5H2O$)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS50-32
68	AC-PAC	SiO_2 , Al_2O_3, Fe_2O_3, $CaCO_3$	Gói	100, 500g, 1, 2, 5; 7,5; 10, 12, 15, 20, 25kg	Cải tạo ao nuôi, ổn định pH	HCM.TS50-33
69	OXYGEN - HHN	Bột Oxygen ($2Na_2CO_33H_2O_2$)	Gói	100, 500g, 1, 2, 5; 7,5; 10, 12, 15, 20, 25kg	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi	HCM.TS50-34

13. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
70	Anti dote 1	Ethylenediamine-tetraacetic acid	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	HCM.TS52-15
71	Anti dote 2	Sodium thiosulphate, EDTA	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng trong nước	HCM.TS52-16
72	Pro mineral	Fe_2O_3, SiO_2	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thụ khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt	HCM.TS52-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
73	Bio Soak	Bacillus subtilis, Bacillus lichenifomis, Bacillus megaterium	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS52-18
74	Bio Tab[A]	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophulus	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS52-19
75	BioTab[B]	Lactobacillus acidophulus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Pectinase	Túi, gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá. Cải thiện chất lượng môi trường ao nuôi	HCM.TS52-20
76	Rhodo SPP	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococus spirillum	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	HCM.TS52-21

14. CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
77	Green - Copper	Copper as elemental	Chai	500ml, 1, 2, 5, 10, 20, 200 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS53-8
78	Pro-Pond	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococus spirillum	Chai, can	1, 2, 3, 5, 10, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá có trong ao nuôi thủy sản	HCM.TS53-17

15. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THỦY SẢN MINH DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
79	MD Biozemix	*Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae,* Si_2O, Na_2O, Al_2O_3, CaO, MgO, Ti_2O	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Xử lý nước ao nuôi tôm, cá. Phân hủy khí NH_3. Xử lý các chất cặn bã dưới đáy ao	BD.TS5-18
80	MD Biobac	*Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus*	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Cải thiện hữu hiệu môi trường nước, ổn định màu nước thích hợp cho ao nuôi. Phân hủy chất cặn bã dưới đáy ao	BD.TS5-20
81	MD BioCapga	$CaCO_3$, $CuSO_4$, $CoSO_4$, $FeSO_4$, $ZnSO_4$, Potassium chloride, $MnSO_4$, Vitamin A, Vitamin C, *Saccharomyces cerevisiae*	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Gây màu nước ao nuôi, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật phù du phát triển, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm cá	BD.TS5-21
82	MD Lotric	Citric acid	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Làm giảm nhanh độ kiềm trong nước	BD.TS5-22
83	MD Oxygen	Sodium carbonate peroxyhydrate	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp oxy cho tôm, cải thiện môi trường nước nuôi tôm	BD.TS5-23
84	MD CPP 15%	CuSO4.5H2O	Chai, lọ	100, 500ml; 1l, 5l	Diệt tảo trong môi trường nước ao nuôi	BD.TS5-30

16. CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y VEMEDIM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
85	ZIMOVAC	Lactobacilus acidophilus, B.subtilis, Nitrosomonas spp, Nitrobacter	Gói, hộp, bao, xô	50, 100, 200, 250, 500g; 1, 3, 5, 10, 12, 14, 20, 25kg	Phân giải các chất thải hữu cơ từ thức ăn, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	CT.TS1-22
86	Bitech-Yucca	Chiết xuất từ cây yucca (saponin), Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilus, Saccharomyces cerevisiae	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Làm giảm khí NH_3, phân hủy bùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	CT.TS1-23
87	Cap 2000	Sodium thiosulfate, Ethylene Diamine Tetraacetic acid, Sodium lauryl sulfate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng. Giảm độ nhớt và váng bọt trên mặt nước	CT.TS1-25
88	Control-Algae	Copper sulfate pentahydrate ($CuSO_4.5H_2O$)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	CT.TS1-26
89	Cung cấp Oxy (Oxy supplier)	Sodium percarbonate	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Tăng hàm lương oxy hòa tan trong nước, ổn định pH	CT.TS1-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
90	Kill-Algae	Copper as Elemental	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	CT.TS1-30
91	Vime-Aquazyme	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae, Phytase, Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Vitamin C coated, Vitamin B1, Vitamin B6	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Phân hủy các chất cặn bã hữu cơ ở nền đáy, cạnh tranh sự phát triển vi sinh vật có hại trong môi trường	CT.TS1-32
92	Vime-Bacillus	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus polymyxa	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Phân hủy xác thực vật, động vật, thức ăn dư thừa và các chất hữu cơ trong môi trường nước	CT.TS1-33
93	Vime-Protex	1,5-Pentanedial (Glutaraldehyde), Alkyldimethylbenzylamonium chloride	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	CT.TS1-37
94	Vime-Subtyl	Bacillus subtilis	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Có tác dụng phân hủy chất đạm dư thừa trong môi trường nước ao nuôi thủy sản	CT.TS1-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
95	Vime-Yucca	Yucca extract (saponin)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20 lít	Giảm khí NH_3 trong môi trường nước ao nuôi	CT.TS1-39
96	*Gây màu nước (Green water)*	*Monopotassium phosphate, Potassium nitrate, Sắt (Fe) Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Magnesium (Mg), Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}*	Gói, hộp xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Bổ sung khoáng; gây màu nước ao nuôi thủy sản, giúp tảo phát triển	CT.TS1-41
97	Diệt cá tạp (Rotenone)	Rotenone	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg	Diệt các loại cá tạp trong ao trước khi thả tôm và cả ao đang nuôi tôm; kích thích tôm lột xác	CT.TS1-42

17. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y Á CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
98	**APC-Yucca**	Yucca schidigera.30%	Gói, hộp	100, 500g; 1, 5, 10, 20kg	Hấp thụ khí NH3, cải thiện chất lượng nước trong môi trường nuôi	CT.TS2-11
99	**COPPER**	Copper as Elemental (CuSO4)	Chai, lọ	100, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Diệt các loại tảo, rong nhớt, rong đáy trong ao nuôi	CT.TS2-21
100	**SAPONIN**	Saponin	Gói, hộp, lon	50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Diệt các loài giáp xác trong cải tạo ao nuôi	CT.TS2-23

18. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y CẦN THƠ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
101	**Men vi sinh cao cấp - Antitoxic 1**	*Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis,* *Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae,* Protease, α Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Lactose	Gói	100, 200, 500g; 1, 2, 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá	CT.TS6-9
102	**Men vi sinh-Antitoxic 2**	*Lactobacillus acidophillus, Bacillus licheniformis,* *Saccharomyces cerevisiae*, Protease, α Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Lactose (vừa đủ)	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá	CT.TS6-10
103	**Oxygen Plus**	$2Na_2CO_3.3H_2O_2$	Gói	100, 200, 500g; 1, 5kg	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi	CT.TS6-11
104	**Di.Mi.Ci**	CuSO4	Gói	100, 250, 500g; 1, 5kg	Diệt tảo độc, tảo đáy, tảo phát sáng, rong nhớt trong môi trường nước ao, hồ để nuôi tôm, cá	CT.TS6-17
105	**Dung dịch D.R.N**	CuSO4.5H2O	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	CT.TS6-21

19. CÔNG TY TNHH SX - TM THUỐC THÚ Y 1/5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
106	Anti Tab	Sodium Thiosulphate, EDTA	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Xử lý nước ao nuôi, làm lắng chất hữu cơ và kim loại nặng	CT.TS7-1
107	Pro Alka	Fe2O3, SiO2	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thụ khí độc, tăng độ kiềm nước ao nuôi giúp tôm lột xác tốt	CT.TS7-2
108	Anti Down	Ethylenediamine tetra acetic acid (EDTA)	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng chất hữu cơ và kim loại nặng	CT.TS7-4

20. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN QUÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
109	THQ-CuSo4	$CuSO4.5H_2O$	Gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	CT.TS8-3
110	THQ-Super Min	MgSO4, Al_2O_3, K_2O, CaO, Na_2O, Fe_2O_3	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Bổ sung khoáng chất cần thiết, tăng độ kiềm và giảm sự biến động pH ao nuôi	CT.TS8-27
111	THQ-Edta 70%	EDTA; Sodiumthiosulfate; Sodium Lauryl Sulfate	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Xử lý phèn sắt, kim loại nặng, lắng tụ bùn và chất lơ lửng trong nước	CT.TS8-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
112	THQ-Oxygen	Sodium carbonate peroxide (2Na2CO3, 3H2O2)	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Cung cấp oxy cho tôm, cá trong trường hợp ao thiếu Oxy	CT.TS8-29
113	THQ-YUCCA LIQUID SUPER	Yucca schidigera (Saponin12%)	Chai, can	100, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Giảm khí độc NH3 trong môi trường nước, cải thiện chất lượng nước ao nuôi	CT.TS8-31

21. CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
114	**O2 Marine**	Oxygen peroxide	Gói, xô	100; 500g, 5; 10; 25kg	Tăng hàm lượng oxy hòa tan trong nước	DN.TS4-7
115	**Aquapure**	Alkyl polyglucosides, Sodium dodexyl sulfate, Sodium chloride, Triethylolamine	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 25 lít	Giảm độ nhờn của nước ao nuôi	DN.TS4-8
116	**Aquapure®**	Anionic surfactant (Alkylbenzene sufonic acid, sodium lauryl ether sulfate)	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 25 lít	Giảm độ nhờn nước ao nuôi	DN.TS4-10

22. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NANO HỢP NHẤT APA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
117	APA Yucca Vip 1	Bột dịch chiết Yucca Schidigera	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH3 trong ao nuôi	LA.TS2-2
118	APA Extra Yucca	Bột dịch chiết Yucca Schidigera	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH3 trong ao nuôi	LA.TS2-15
119	APA Shelldye	Saponin	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Diệt cá tạp trong ao trước khi thả tôm	LA.TS2-22
120	APA Aqua Blue	Ethylenediamine tetraacetic acid	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	LA.TS2-24

23. CÔNG TY DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
121	**Meko.Yucca**	Yucca extract	Chai, can	500ml; 1, 2, 5, 10, 20, 25 lít	Giảm khí NH_3 trong môi trường nước ao nuôi	TG.TS1-3
122	**MEKO. OXYGEN**	*Sodium percarbonate*	Túi	100, 200, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20, 25kg	Cung cấp oxy tức thời, cấp cứu nhanh khi tôm bị nổi đầu, khi môi trường ô nhiễm nặng do thiếu oxy	TG.TS1-5

24. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
123	**VINABIG**	Bacillus subtilis, B.mensentericus, B.licheniformis, Lactobacillus acidophillus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp, Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Chống ô nhiễm đáy ao, phân hủy nhanh thức ăn dư thừa, phân tôm, cá và mùn bã hữu cơ ở đáy ao. Giảm độ đục của nước, ổn định độ pH và màu nước ao nuôi, phục hồi đáy ao nhanh và hiệu quả. Tạo thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi	HN.TS2-16

25. CÔNG TY LIÊN DOANH BIO - PHARMACHEMIE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
124	BIO-YUCCA For Fish	Saponin	Gói, hộp, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1; 10; 25kg	Cải thiện chất lượng nước ao. Hấp thụ các loại khí độc trong ao nuôi như NH3	HCM.TS6-35
125	BIO-YUCCA For Shrimp	Saponin	Gói, hộp, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1; 10; 25kg	Cải thiện chất lượng nước ao. Hấp thụ các loại khí độc trong ao nuôi như NH3	HCM.TS6-36
126	BIO-OXYGEN	Sodium carbonate peroxide	Gói, hộp, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1; 10; 25kg	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi	HCM.TS6-37
127	BIO-GREEN CUT	Cu (CuSO4)	Lọ, chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi trồng thủy sản	HCM.TS6-38

26. CÔNG TY TNHH SÔNG CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
128	SC.YUCCA	Yucca schidigera (Saponin 12%)	Chai, can	500ml; 1, 2, 3, 5, 10L	Hấp thụ khí độc NH3, cải thiện môi trường nước ao nuôi	HCM.TS60-2

27. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
129	**AQUA-YUCCA**	Yucca Schidigera	Chai, can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Làm giảm khí độc NH3	BD.TS6-5
130	**GREEN COPPER**	Copper as elemental	Chai, can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	BD.TS6-7

SẢN PHẨM NHẬP KHẨU

1. FEEDINGREDIENTS INT'L, INC - Mỹ

CÔNG TY CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
131	**CTC Clean EF**	Amylase, Protease, Cellulase, Lactobacil-lus acidophilus, Bacillus subtilis	Túi nhôm	50, 100, 200, 227, 300, 400, 454, 500g; 1kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, thức ăn thừa, cải thiện môi trường nước ao nuôi thủy sản	USA.TS3-1	30023000

2. NOVUS INTERNATIONAL INC - Mỹ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
132	**MERA BAC™ W**	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Pediococcus Acidilactici	Bao, hộp, xô, thùng	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi	USA.TS4-1	30023000

3. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD - Thái Lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
133	**ZOODYX**	Alkyl Polyglucoside, Sodium dodexyl sulfate, Triethylolamine, Sodium Chloride	Can nhựa	500ml, 4 lít	Giảm độ nhờn của nước ao nuôi	THA.TS4-1	380894
134	**Hard Shell**	$CaCO_3$	Bao	20kg	Ổn định pH tăng độ kiềm cho nước ao nuôi thủy sản	THA.TS4-3	3004.90.99
135	**O_2Tablet**	Sodium percarbonate	Gói, hộp	500g, 2kg	Cung cấp oxy hòa tan cho ao nuôi, cấp cứu các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	THA.TS4-5	3004.90.99
136	**BIO ART**	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.polymyxa)	Gói, hộp	250g	Phân hủy các chất hữu cơ, hấp thụ khí NH_3, cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi	THA.TS4-6	293790

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
137	Geen Force	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.pumilis, B.licheniformis)	Gói, hộp	1, 2, 3, 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	THA.TS4-7	293790
138	Eco Life	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.polymyxa)	Gói, hộp	30g, 250g, 50g	Phân hủy các chất hữu cơ, hấp thụ khí NH_3, cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi	THA.TS4-8	293790
139	De-Flow	Sodium Thiosulfate, EDTA, Sodium lauryl sulfate,	Can	20 lít	Giảm độ nhớt và váng bọt trên bề mặt nước; lắng các chất hữu cơ và kết tủa kinh loại nặng trong nước	THA.TS4-10	3004.90.99

3. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD - Thái Lan

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SINH THÁI

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
140	Oxy up	Potassium peroxymonosulfate	Gói, hộp	500g, 1; 3; 5kg	Cung cấp oxy cho nước ao nuôi	THA.TS4-12	380894
141	B-VON	Sodium dodecyl sulfate, sodium chloride, Triethylolamine, Alkyl Polyglucoside	Chai, can	1; 2; 4 lít	Giảm độ nhờ của nước ao nuôi	THA.TS4-14	3004.90.99

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
142	SF-8	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-15	30023000
143	B-Manage	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-16	30023000

3. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD - Thái Lan

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HOÀNG PHÚ

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
144	ROAD YUCCA	Yucca schidigera	Chai	1 lít	Giảm khí độc NH3, cải thiện chất lượng nước	THA.TS4-17	380894
145	Water fresh	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-18	30023000
146	US Clear	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-19	30023000

4. SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL - Ấn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
147	ProPLUS	Bacillus subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.amyloliquefaciens, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase, Beta Glucanse	Gói	250g	Phân hủy mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện nền đáy và chất lượng môi trường ao nuôi	IND.TS2-1	30023000
148	adMAX	SiO2, Al2O3, CaO, Fe2O3, MgO, Na2O	Gói, hộp	10kg	Hấp thụ khí độc NH3 trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi thủy sản	IND.TS2-2	3004.90.99
149	actiO	Sodium percarbonate, Aluminium silicates, Magnisium sulphate	Gói, hộp	500g, 10kg	Cung cấp oxy tức thời cho nước ao nuôi; cấp cứu nhanh các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	IND.TS2-3	3004.90.99
150	YukaG	Bacillus subtilis, Saccharomices cerevisiae, Yucca schidigera	Gói	500g, 1kg	Hấp thu và ngăn chặn khí độc trong nước ao nuôi, làm giảm chất thải hữu cơ, cải thiện chất lượng bùn đáy ao nuôi	IND.TS2-9	30023000

4. SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL - Ấn Độ

CÔNG TY TNHH CNSH BECKA

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
151	CHEQZ	SiO2, Al2O3, CaO, Fe2O3, MgO, Na2O		10kg	Hấp thụ khí độc NH3 trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi thủy sản	IND.TS2-4	3004.90.99

5. LIFE LABOLATORIES - Ấn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
152	BAPRO	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.amyloliquefaciens, Lactobacillus lactic, Lactobacillus helveticus, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase, Beta-Glucanase	Gói, hộp	250g; 5kg	Phân hủy mũn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện nền đáy và chất lượng môi trường ao nuôi	IND.TS3-1	30023000

6. BIOSTADT INDIA LIMITED - Ấn Độ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
153	AQUAZEX^{TM} - DS	SiO2, Al2O3, Fe2O3, CaO, MgO, Na2O	Gói, hộp, bao	10kg, 20kg	Hấp thụ khí độc NH3 trong ao nuôi; cải thiện chất lượng môi trường nước ao nuôi	IND.TS4-1	3004.90.99
154	ENVISO	Bacillus subtilis, B.licheni-formis, Lactobacillus lactic,	Lon, bao	1kg, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện môi trường nước ao nuôi	IND.TS4-2	30023000

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
		Lactobacillus helveticus, Alcaligenes denitrificans, Nitrosomonas sp, Nitrobacter spp, Pseudomonas denitrificans, Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Pectinase, Cellulase, MnSO4, CuSO4, V2O3, CoSO4, FeSO4, CaO, SiO2, MgO, P2O5					
155	PURES	SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, CaO, MgO, Na_2O	Bao	10, 20kg	Hấp thụ khí NH3 trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi	IND.TS4-4	3004.90.99

7. ACTIFEED SARL - Pháp

CÔNG TY TNHH VIETVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
156	Mex Yucca Liquid	Yucca Schidigera	Chai, can	500ml; 1, 5, 18, 20L	Hấp thụ khí NH3 trong nước, giảm ô nhiễm nước ao nuôi	FRA.TS4-1	380894

8. KEMIN INDUSTRIES (ASIA) PTE LTD - Singapore

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
157	BIO CURB® brand DRY	Yucca schidigera	Gói, hộp, bao	50, 500g, 1, 25kg	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH3 trong ao nuôi	SIN.TS1-1	380894

9. BIOMIN SINGAPORE PTE; LTD - Singapore

CÔNG TY TNHH BIOMIN VN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
158	AquaStar® PondZyme	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici, Paracoccus denitrificans, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanases	Bao	500g, 1; 5kg	Gia tăng hình thành hệ vi sinh vật hữu ích, cải thiện chất lượng nước, đào thải độc tố, khí độc, phân hủy chất thải hữu cơ và giảm bùn đáy tích luỹ trong ao	SIN.TS2-1	30023000
159	AquaStar® Pond	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici, Paracoccus denitrificans	Bao	500g, 1; 5kg	Gia tăng hình thành hệ vi sinh vật hữu ích, cải thiện chất lượng nước, đào thải độc tố, khí độc, phân hủy chất thải hữu cơ và giảm bùn đáy tích lũy trong ao	SIN.TS2-2	30023000

10. PINPANAT INTERNATIONAL CO.,LTD -Thái lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
160	Bio Tuff	SiO2, Fe2O3, Al2O3, MgO, CaO	Bao	10kg	Hấp thụ NH4+ (NH3), trong môi trường nước. Bổ sung khoáng chất trong nước ao nuôi thủy sản. Lắng tụ các chất lơ lửng trong môi trường nước ao nuôi	THA.TS5-2	3004.90.99
161	D.O Tuff	SiO2, Fe2O3, Al2O3, MgO, CaO	Bao	10kg	Hấp thụ NH4+ (NH3), trong môi trường nước. Bổ sung khoáng chất trong nước ao nuôi thủy sản. Lắng tụ các chất lơ lửng trong môi trường nước ao nuôi	THA.TS5-3	3004.90.99
162	Polymax	CaCO3, NaCl, Fe2O3, MgO	Bao	2kg	Cung cấp khoáng chất cần thiết cho môi trường nước ao nuôi	THA.TS5-4	3004.90.99
163	D-Flow	Sodium chloride, Potassium chloride, Copper sulfate	Chai, can	10, 20 lít	Giảm mật độ tảo, ngăn cản sự nở hoa của tảo	THA.TS5-5	3004.90.99
164	Super Benthos	P2O5, K2O, CaO, MgO	Gói, hộp	10kg	Cung cấp khoáng chất, hỗ trợ sự phát triển thức ăn tự nhiên trong ao	THA.TS5-6	380894
165	O2 TAB	Sodium percarbonat	Bao nhôm	500g, 2kg	Cung cấp oxy hòa tan cho ao nuôi, cấp cứu các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	THA.TS5-9	3004.90.99

11. BIO SOLUTION INTERNATIONAL CO., LTD - Thái lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
166	Combax L	*Bacillus sutilis, B.licheniformis, B.pumilus*	Chai	500ml, 1 lít	Giúp tôm hấp thụ triệt để dưỡng chất trong thức ăn. Giúp giảm lượng chất thải trong ao. Kích thích tôm ăn nhiều, tăng trọng nhanh	THA.TS3-6	30023000

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC THÚ Y CẤM SỬ DỤNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh động vật thủy sản

TT	Tên hóa chất, kháng sinh
1	Aristolochia spp và các chế phẩm từ chúng
2	Chloramphenicol
3	Chloroform
4	Chlorpromazine
5	Colchicine
6	Dapsone
7	Dimetridazole
8	Metronidazole
9	Nitrofuran (bao gồm cả Furazolidone)
10	Ronidazole
11	Green Malachite (Xanh Malachite)
12	Ipronidazole
13	Các Nitroimidazole khác
14	Clenbuterol
15	Diethylstilbestrol (DES)
16	Glycopeptides
17	Trichlorfon (Dipterex)
18	Gentian Violet (Crystal violet)
19	Trifluralin
20	Cypermethrin
21	Deltamethrin
22	Enrofloxacin
23	Ciprofloxacin
24	Nhóm Fluoroquinolones

Đối tượng áp dụng: Thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chất xử lý môi trường, chất tẩy rửa khử trùng, chất bảo quản trong nuôi trồng thủy sản, sơ chế, chế biến động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản.

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của nước nhập khẩu động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản, Cục Thú y có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Danh mục này.

2. Hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh động vật trên cạn

TT	Tên hóa chất, kháng sinh
1	Chloramphenicol (Tên khác Chloromycetin; Chlornitromycin; Laevomycin, Chlorocid, Leukomycin)
2	Furazolidon và dẫn xuất của nhóm Nitrofuran (Nitrofuran, Furacillin, Nitrofurazon, Furacin, Nitrofurantoin, Furoxon, Orafuran, Furadonin, Furadantin, Furaltadon, Payzone, Furazolin, Nitrofurmethon, Nitrofuridin, Nitrovin)
3	Dimetridazole (Tên khác: Emtryl)
4	Metronidazole (Tên khác: Trichomonacid, Flagyl, Klion, Avimetronid)
5	Dipterex (Tên khác: Metriphonat, Trichlorphon, Neguvon, Chlorophos, DTHP); DDVP (Tên khác Dichlorvos; Dichlorovos)
6	Ciprofloxacin
7	Ofloxacin
8	Carbadox
9	Olaquidox
10	Bacitracin Zn
11	Green Malachite (Xanh Malachite)
12	Gentian Violet (Crystal violet)
13	Clenbuterol
14	Salbutamol
15	Ractopamine
16	Diethylstilbestrol (DES)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng